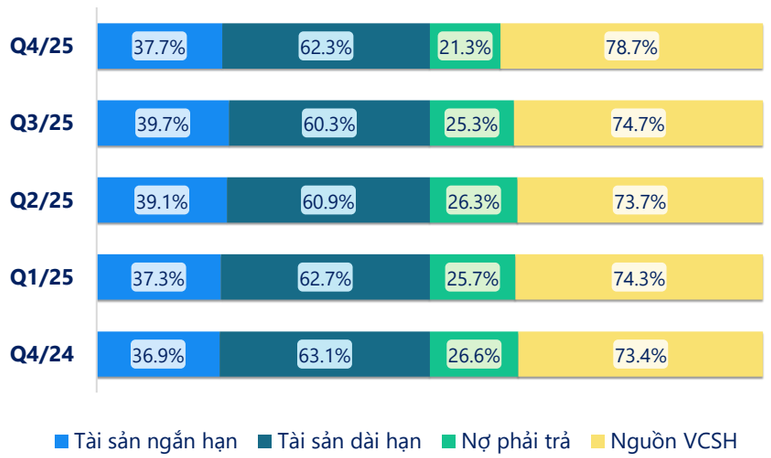
FireAnt

CTCP Đầu tư và Thương mại Vũ Đăng (HSX: SVD)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	4,450
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,960
SL cổ phiếu LH	27,605,908
KLGD BQ 20 phiên (CP)	85,940
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	123
P/E	57.7
EPS	77

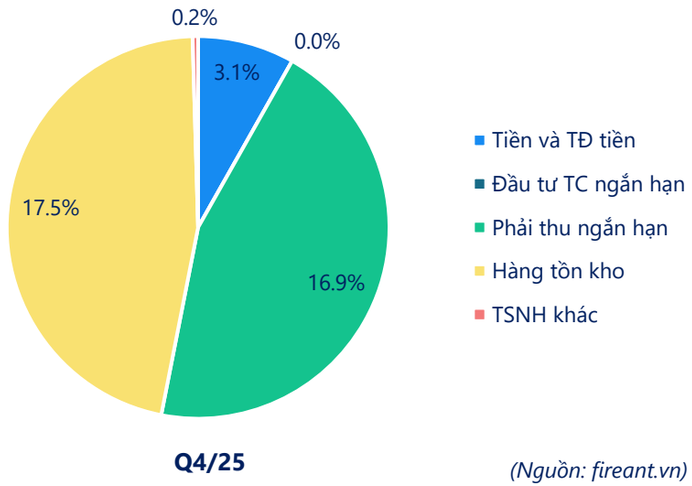
	YTD	1T	3T	6T
SVD	34.8%	-23.5%	-26.6%	29.7%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



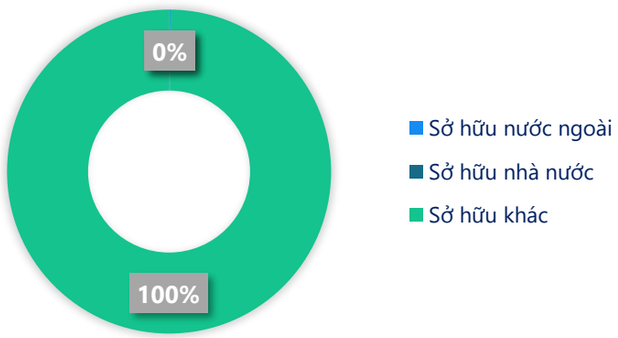
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



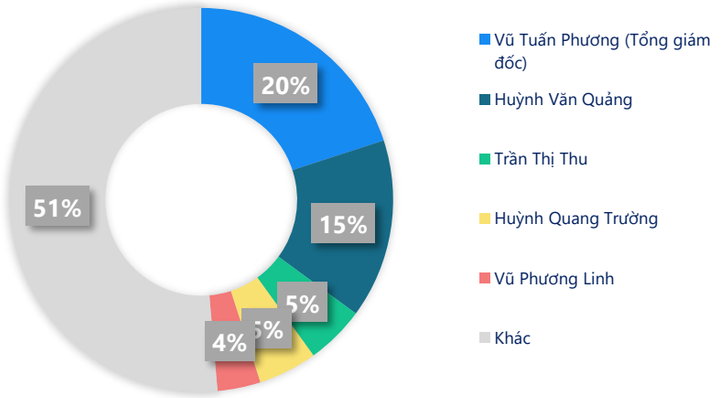
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



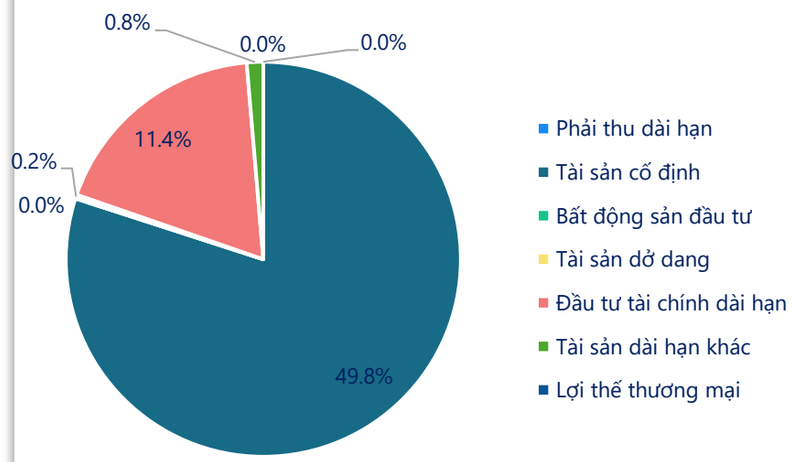
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

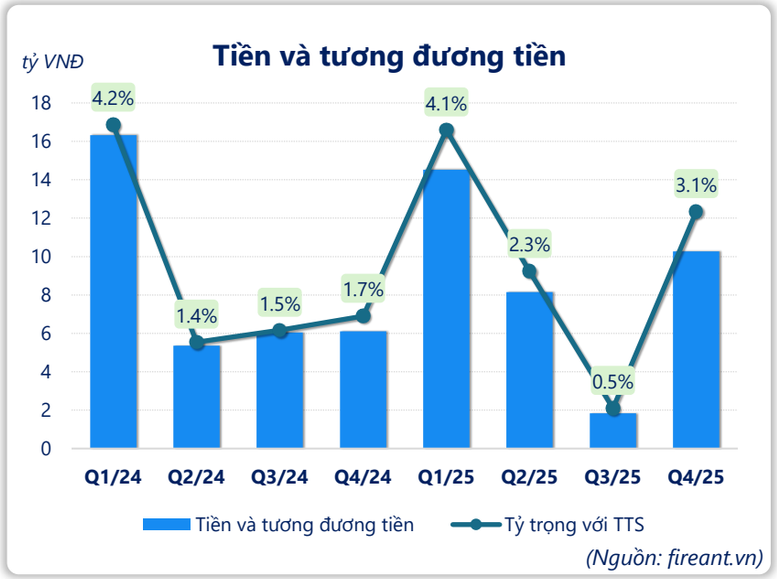
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



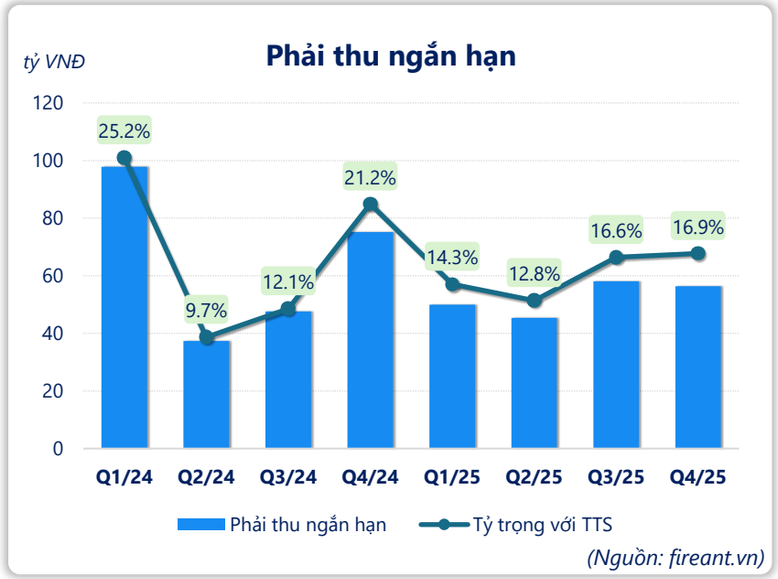
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

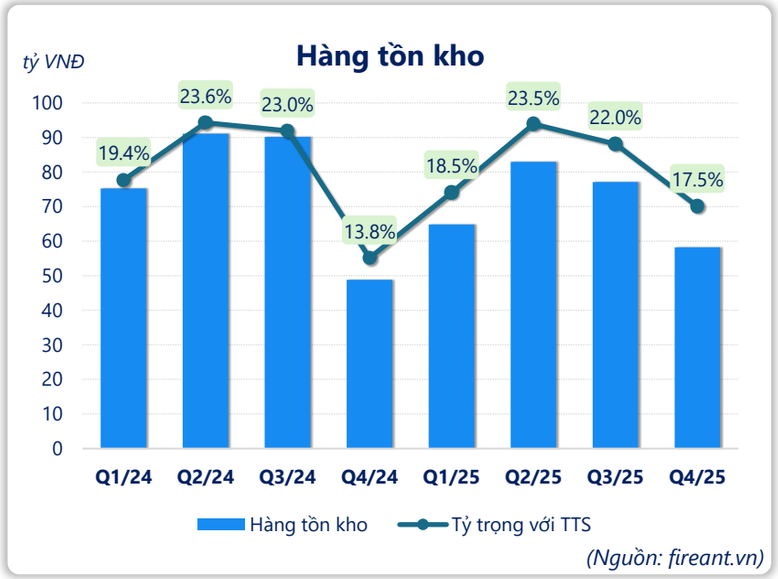
CTCP Đầu tư và Thương mại Vũ Đăng (HSX: SVD)



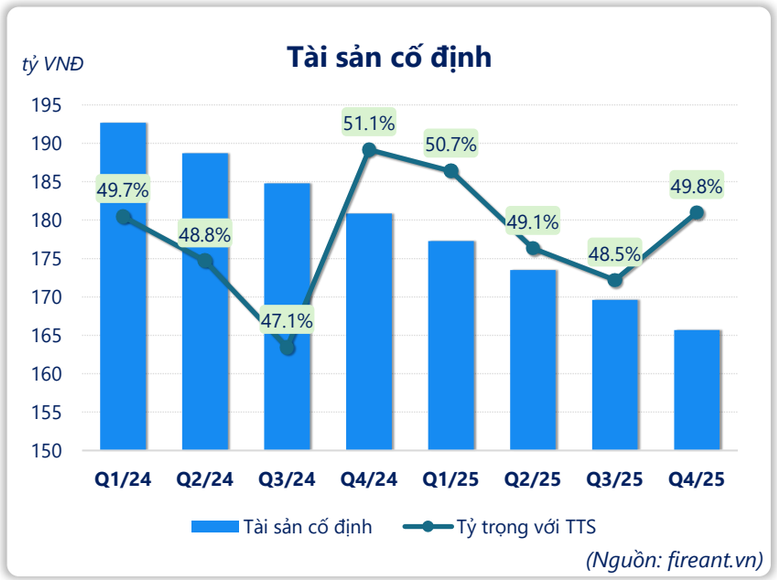
(Nguồn: fireant.vn)



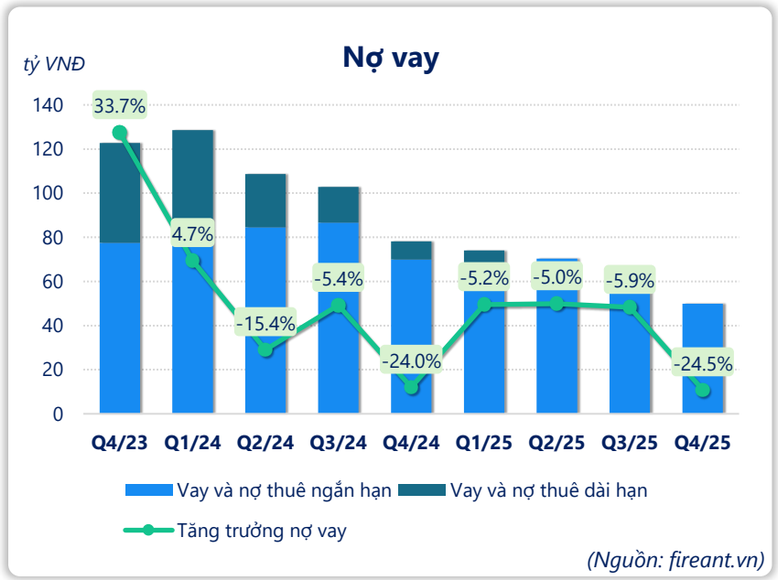
(Nguồn: fireant.vn)



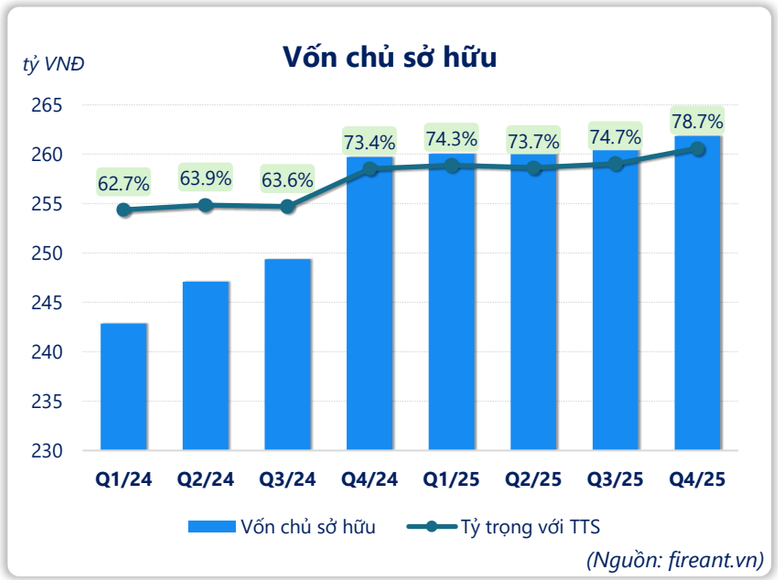
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

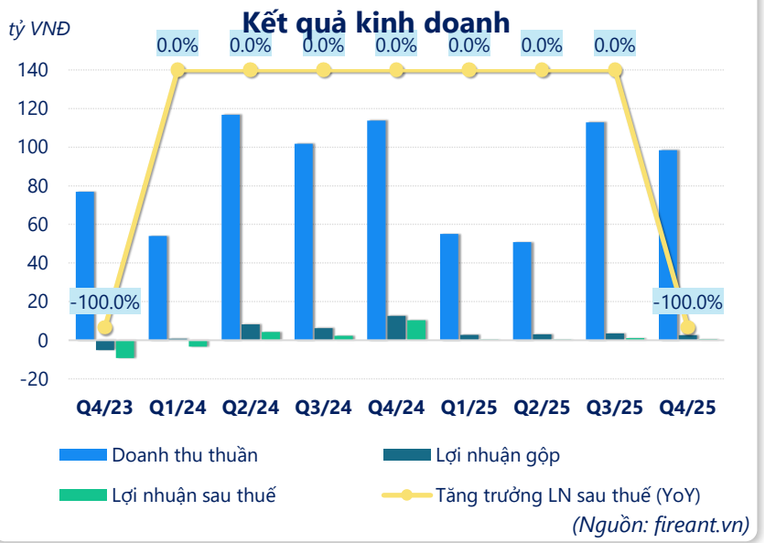


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

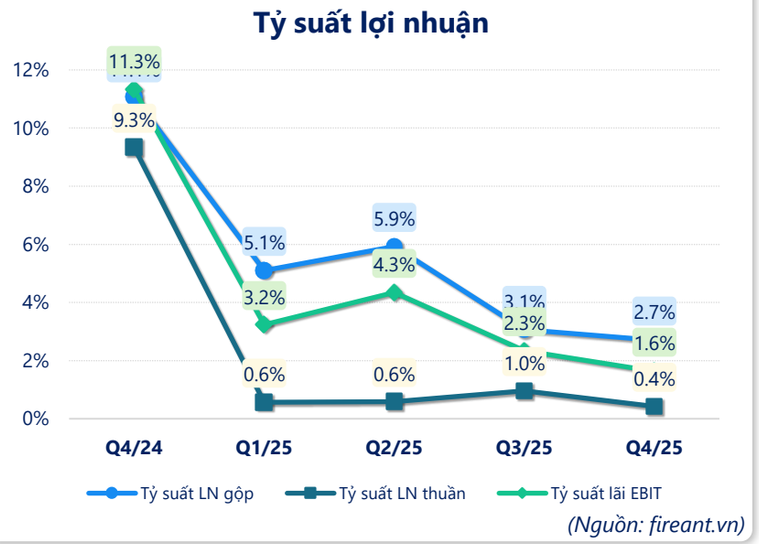
CTCP Đầu tư và Thương mại Vũ Đăng (HSX: SVD)

Kết quả kinh doanh



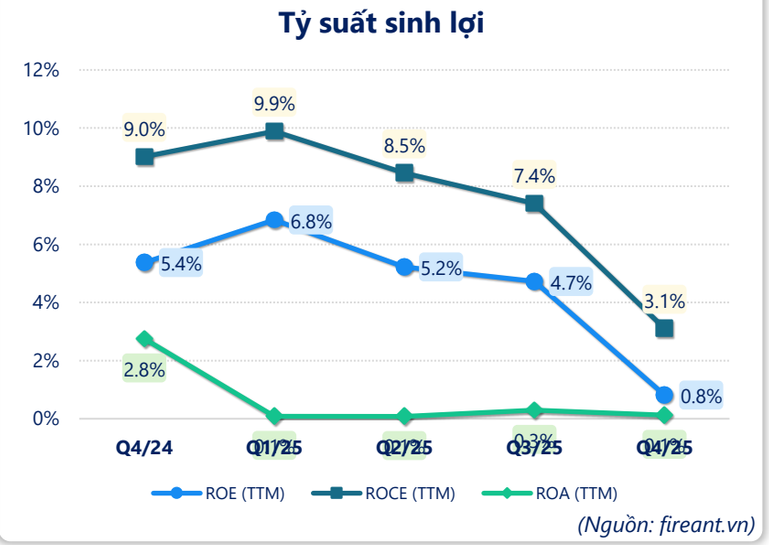
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



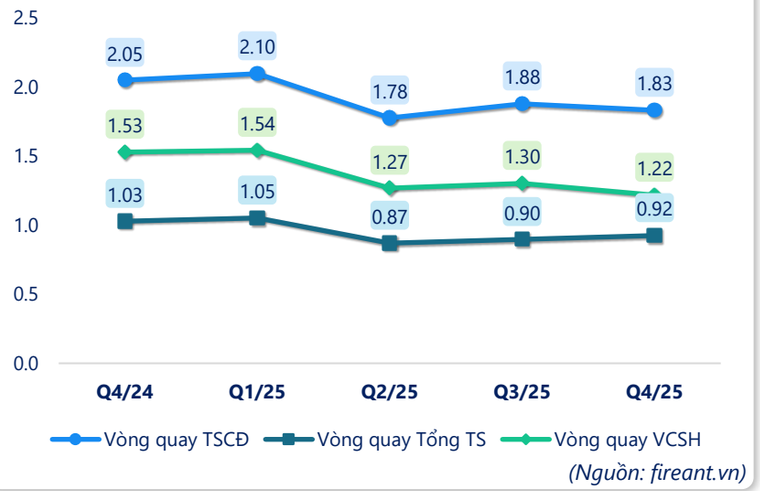
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



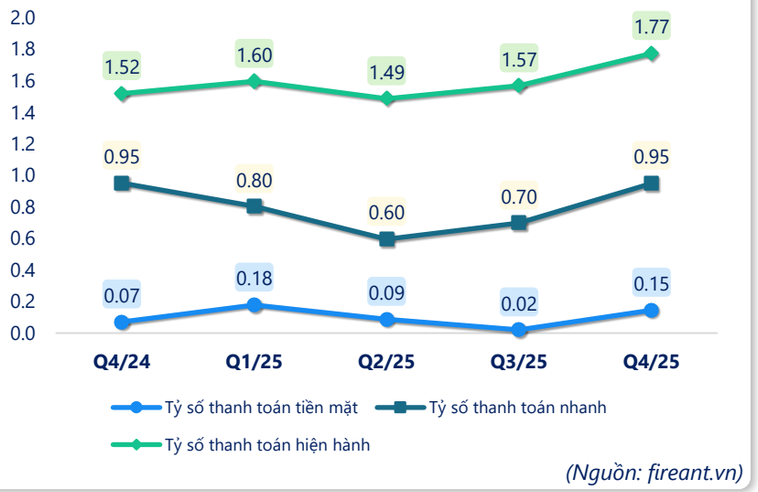
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



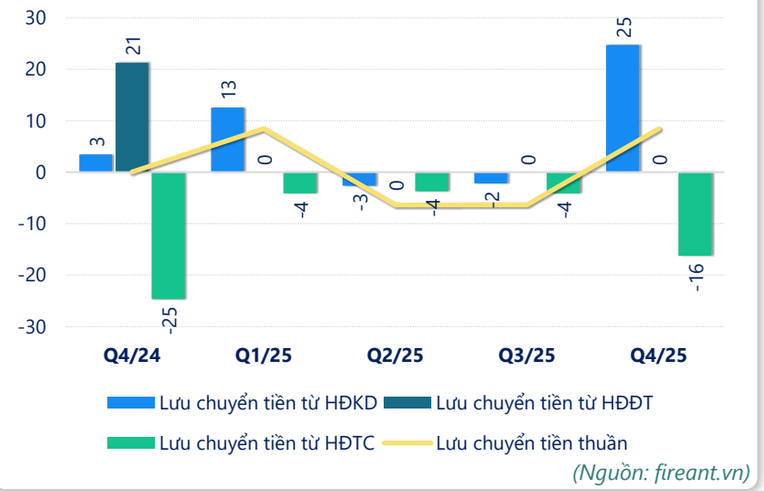
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Đầu tư và Thương mại Vũ Đăng (HSX: SVD)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**333**	**354**	**-6.0%**
Tài sản ngắn hạn	125	131	-4.0%
Tiền và tương đương tiền	10.3	6.10	68.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	56.3	75.2	-25.1%
Hàng tồn kho	58.3	48.8	19.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0.58	0.53	8.6%
Tài sản dài hạn	**207**	**223**	**-7.2%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	166	181	-8.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.67	1.15	-42.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	38.0	38.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**2.79**	**3.35**	**-16.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	70.7	94.2	-24.9%
Nợ ngắn hạn	**70.7**	**86.0**	**-17.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	50.0	69.9	-28.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.33	6.39	-79.2%
Nợ dài hạn	0	8.24	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	8.24	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**262**	**260**	**0.8%**
Vốn chủ sở hữu	**262**	**260**	**0.8%**
Vốn điều lệ	276	276	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	114	55.1	50.8	113	98.5
Giá vốn hàng bán	101	52.3	47.8	109	95.8
Lợi nhuận gộp	12.6	2.81	3.01	3.46	2.66
Doanh thu HĐTC	1.30	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	2.27	1.65	1.72	1.55	1.19
Chi phí lãi vay	2.27	1.46	1.91	1.55	1.19
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.00	0.01	0	0	0
Chi phí QLDN	0.99	0.84	0.99	0.83	1.06
LN thuần từ HĐKD	10.6	0.31	0.30	1.09	0.42
Lợi nhuận khác	-0.01	0.01	0.00	0	0.00
LN trước thuế	10.6	0.32	0.30	1.09	0.42
Lợi nhuận sau thuế	10.4	0.32	0.30	1.09	0.42
LNST của CĐ cty mẹ	10.4	0.32	0.30	1.09	0.42

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3.46	12.5	-2.63	-2.19	24.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	21.2	0.01	-0.01	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-24.6	-4.10	-3.73	-4.13	-16.2
Tiền đầu kỳ	6.05	6.10	14.5	8.15	1.83
Lưu chuyển tiền thuần	**0.05**	**8.42**	**-6.37**	**-6.32**	**8.43**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	6.10	14.5	8.15	1.83	10.3

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic